

Số: 218 /QĐ-ĐHNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp đối với hệ đại học đợt tháng 12 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 174/2003/QĐ-Ttg ngày 20/8/2003 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định 1650/QĐ-NHNN ngày 20/8/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về “Quy định, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ được ban hành kèm theo Quyết định 43/2007/QĐ-BGDĐT;

Căn cứ Quyết định số 2181/QĐ-ĐHNH, ngày 04/10/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành “Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh”; Quyết định số 1575/QĐ-ĐHNH, ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 2181/QĐ-ĐHNH ngày 4/10/2019;

Xét kết quả học tập và đơn xin xét công nhận tốt nghiệp của sinh viên đợt tháng 12 năm 2021;

Căn cứ kết luận cuộc họp của Hội đồng xét tốt nghiệp ngày 30/12/2021 và Tờ trình số 428 /TTr-ĐHNH-PĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho 144 sinh viên hệ đại học chính quy đợt tháng 12 năm 2021 như sau:

STT	HỆ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Đại học chính quy (bao gồm Liên thông)	137	
2	Đại học chính quy ngành 2 (song bằng)	02	
3	Đại học chính quy văn bằng 2	05	
TỔNG		144	

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Các sinh viên có tên ở Điều 1 được cấp bằng tốt nghiệp và được hưởng mọi quyền lợi theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn Phòng, Trường Phòng Đào tạo, các đơn vị liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- CT.HĐT, BGH (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Phòng TVTS & PTTH (để đăng tin);
- Lưu VP, PĐT.



HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.,TS. Nguyễn Đức Trung



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 12 NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2718 /QĐ-ĐHNH, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn			Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
1	030129131214	Nguyễn Tuấn Vũ	12/02/1995	Nam	DH29NH_04	6.45	2.57	132	Tài chính - Ngân hàng	
2	030129130822	Võ Thị Thu Như	16/08/1995	Nữ	DH29TC_06	7.19	2.88	132	Tài chính - Ngân hàng	
3	030630140625	Nguyễn Hà Ngọc Liên	18/03/1996	Nữ	DH30QT02	6.39	2.56	129	Quản trị kinh doanh	
4	030631151359	Thái Thị Kiều Nga	11/08/1997	Nữ	DH31TM01	6.46	2.58	129	HHTT Quản lý	
5	030631151604	Bùi Thị Phương Thảo	08/03/1997	Nữ	DH31KQ03	6.80	2.72	129	Kinh tế quốc tế	
6	030731150151	H-Ñoen Byă	02/12/1996	Nữ	DH31LK03	5.92	2.37	129	Luật kinh tế	
7	030431150017	BÙI TRÚC PHƯƠNG	26/10/1997	Nữ	DH31AV01	7.00	2.80	146	Ngôn ngữ Anh	
8	030631150295	Trần Anh Dũng	26/12/1997	Nam	DH31MK01	6.56	2.62	129	Quản trị kinh doanh	
9	030631152168	Trần Nguyên Khánh Linh	21/05/1997	Nữ	DH31MK02	6.98	2.79	129	Quản trị kinh doanh	
10	030631150288	Bùi Thị Kiều My	27/01/1997	Nữ	DH31NH02	5.78	2.31	129	Tài chính - Ngân hàng	
11	030631150457	Nguyễn Duy Tùng	24/08/1995	Nam	DH31NH02	6.78	2.71	129	Tài chính - Ngân hàng	
12	030631151316	Ma Thị Bích	12/03/1996	Nữ	DH31NH04	5.99	2.40	129	Tài chính - Ngân hàng	
13	030631151086	Nguyễn Thị Hải Yến	15/04/1997	Nữ	DH31NH04	6.75	2.70	129	Tài chính - Ngân hàng	
14	030631150078	Trần Thị Lệ Nhung	30/03/1997	Nữ	DH31TC01	6.90	2.76	129	Tài chính - Ngân hàng	
15	030632163266	NGUYỄN MỸ HẢO	12/02/1998	Nữ	DH32DN01	6.22	2.49	129	HHTT Quản lý	
16	030632163233	HOÀNG THỊ THU SƯƠNG	17/05/1998	Nữ	DH32TM01	6.33	2.53	129	HHTT Quản lý	
17	030632162252	DƯƠNG NGUYỄN ĐỨC THỊNH	10/01/1998	Nam	DH32TM01	5.99	2.40	129	HHTT Quản lý	
18	030632161701	ĐỖ HỒNG NHUNG	15/10/1996	Nữ	DH32KT04	6.99	2.80	129	Kế toán	
19	030632161421	LÊ THỊ BÍCH NGÂN	22/12/1998	Nữ	DH32KQ02	6.69	2.68	129	Kinh tế quốc tế	
20	030632161968	PHẠM THỊ TRÚC QUỲNH	04/06/1998	Nữ	DH32KQ03	7.52	3.01	129	Kinh tế quốc tế	
21	030632162319	HÀ THỊ ANH THU	17/06/1998	Nữ	DH32KQ03	7.48	2.99	129	Kinh tế quốc tế	
22	030732160088	DƯƠNG BẢO NGÂN	26/05/1998	Nữ	DH32LK01	6.77	2.71	129	Luật kinh tế	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn			Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
23	030632162420	VŨ THỊ THÙY	08/12/1997	Nữ	DH32MK02	7.23	2.89	129	Quản trị kinh doanh	
24	030632162890	TRẦN NGUYỄN THẢO VI	10/01/1998	Nữ	DH32MK03	6.72	2.69	129	Quản trị kinh doanh	
25	030632160529	LÊ THỊ HÀ	13/05/1998	Nữ	DH32QT03	7.82	3.13	129	Quản trị kinh doanh	
26	030632160779	LÊ HUY HOÀNG	19/09/1998	Nam	DH32NH04	7.38	2.95	129	Tài chính - Ngân hàng	
27	030632162989	TRỊNH THỊ Ý	30/09/1998	Nữ	DH32NH04	6.65	2.66	129	Tài chính - Ngân hàng	
28	030632161354	NGUYỄN THỊ NAM	20/01/1998	Nữ	DH32NH05	7.36	2.95	129	Tài chính - Ngân hàng	
29	030632162071	TẠ NGỌC TÂN	26/04/1998	Nam	DH32NH05	6.93	2.77	129	Tài chính - Ngân hàng	
30	030632162348	ĐẶNG THU THƯỜNG	01/03/1998	Nữ	DH32TC02	7.23	2.89	129	Tài chính - Ngân hàng	
31	030632162745	LÊ ANH TUẤN	24/05/1992	Nam	DH32TC02	7.46	2.98	129	Tài chính - Ngân hàng	
32	030632162355	PHẠM HỮU THƯỜNG	10/08/1998	Nữ	DH32TC04	7.64	3.06	129	Tài chính - Ngân hàng	
33	030632162226	LÊ ÁI THI	20/10/1998	Nữ	DH32TC05	6.96	2.78	129	Tài chính - Ngân hàng	
34	030632161593	NGUYỄN NGỌC TUYẾT NHI	12/10/1998	Nữ	DH32TC06	7.24	2.90	129	Tài chính - Ngân hàng	
35	030233170023	Ngô Đạt	21/06/1999	Nam	DH33DN01	6.80	2.72	129	HHTT Quản lý	
36	030233170090	Huỳnh Thị Cẩm Hường	19/02/1999	Nữ	DH33DN01	6.75	2.70	129	HHTT Quản lý	
37	030233170043	Đặng Thị Ngọc Tư	02/09/1999	Nữ	DH33DN01	7.57	3.03	129	HHTT Quản lý	
38	030233170006	Bùi Thúy Vi	29/12/1999	Nữ	DH33DN01	6.86	2.74	129	HHTT Quản lý	
39	030233170051	Dương Thị Ý	08/07/1999	Nữ	DH33DN01	6.62	2.65	129	HHTT Quản lý	
40	030233170082	Nguyễn Thị Minh Thư	20/10/1999	Nữ	DH33TM01	6.77	2.71	129	HHTT Quản lý	
41	030233170056	Huỳnh Ngọc Thiên Trang	28/12/1999	Nữ	DH33TM01	7.04	2.82	129	HHTT Quản lý	
42	030633170285	Nguyễn Thị Hồng Châu	16/07/1999	Nữ	DH33KT02	7.91	3.17	129	Kế toán	
43	030633170069	Trần Thị Thanh Hoa	07/11/1999	Nữ	DH33KT02	7.57	3.03	129	Kế toán	
44	030633170222	Cao Thị Lệ Khương	21/06/1999	Nữ	DH33KT02	6.75	2.70	129	Kế toán	
45	030633171676	Mai Hoàng Linh	16/05/1999	Nữ	DH33KT02	7.52	3.01	129	Kế toán	
46	030633170249	Nguyễn Mỹ Linh	02/11/1998	Nữ	DH33KT02	7.08	2.83	129	Kế toán	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn			Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
47	030633170141	Phạm Vũ Xuân	Quỳnh	17/01/1999	Nữ	DH33KT02	7.12	2.85	129	Kế toán
48	030633170007	Trần Thị Như	Quỳnh	13/07/1999	Nữ	DH33KT02	7.59	3.04	129	Kế toán
49	030633170653	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	11/01/1999	Nữ	DH33KT02	7.70	3.08	129	Kế toán
50	030633170671	Phạm Ngọc	Hà	06/07/1999	Nữ	DH33KT03	8.56	3.42	129	Kế toán
51	030633170933	Lê Thị Bích	Nga	13/05/1999	Nữ	DH33KT03	7.96	3.19	129	Kế toán
52	030633170739	Nguyễn Ủ Mỹ	Lan	24/04/1999	Nữ	DH33KT04	8.14	3.26	129	Kế toán
53	030633171228	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	27/06/1999	Nữ	DH33KT04	7.19	2.88	129	Kế toán
54	030633170850	Nguyễn Thị	Nhung	02/08/1999	Nữ	DH33KT04	6.92	2.77	129	Kế toán
55	030633171657	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	01/02/1999	Nữ	DH33KT04	8.13	3.25	129	Kế toán
56	030633171099	Trần Thị Hồng	Nhung	17/09/1999	Nữ	DH33KT04	7.03	2.81	129	Kế toán
57	030633171163	Lý Ngọc Mỹ	Quỳnh	01/02/1999	Nữ	DH33KT04	7.54	3.01	129	Kế toán
58	030633170756	Trần Thanh	Thủy	04/03/1999	Nữ	DH33KT04	7.40	2.96	129	Kế toán
59	030633171066	Vũ Thị Mỹ	Uyên	14/11/1999	Nữ	DH33KT04	6.74	2.70	129	Kế toán
60	030633170950	Vũ Thị Thanh	Nga	03/03/1999	Nữ	DH33KT05	7.77	3.11	129	Kế toán
61	030633171154	Nguyễn Văn Bích	Thương	03/12/1999	Nữ	DH33KT05	6.98	2.79	129	Kế toán
62	030633171195	Nguyễn Thị	Tiện	16/06/1999	Nữ	DH33KT05	6.73	2.69	129	Kế toán
63	030633171632	Trần Thanh	Trúc	12/04/1999	Nữ	DH33KT05	7.48	2.99	129	Kế toán
64	030633171178	Trần Thảo	Vy	19/03/1998	Nữ	DH33KT05	7.26	2.90	129	Kế toán
65	030633170221	Hứa Thị Lê	Anh	18/08/1999	Nữ	DH33KQ01	6.99	2.79	129	Kinh tế quốc tế
66	030633170185	Cầm Thị Tường	Vi	12/10/1999	Nữ	DH33KQ01	7.84	3.13	129	Kinh tế quốc tế
67	030633171098	Kiều Ngọc	Các	29/01/1999	Nữ	DH33KQ02	7.22	2.89	129	Kinh tế quốc tế
68	030633171006	Nguyễn Gia	Hân	11/08/1999	Nữ	DH33KQ02	7.31	2.93	129	Kinh tế quốc tế
69	030633170603	Huỳnh Thị	Kiều	21/08/1999	Nữ	DH33KQ02	7.10	2.84	129	Kinh tế quốc tế
70	030633171054	Bùi Hoàng Minh	Thư	08/08/1999	Nữ	DH33KQ02	7.40	2.96	129	Kinh tế quốc tế

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn			Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
71	030633171363	Nguyễn Thị Tuyết	Minh	19/04/1999	Nữ	DH33KQ03	8.34	3.33	129	Kinh tế quốc tế
72	030633170846	Phùng Thị Phương	Oanh	21/12/1999	Nữ	DH33KQ03	7.78	3.11	129	Kinh tế quốc tế
73	030633171607	Nguyễn Hồ Uyên	Trang	30/05/1999	Nữ	DH33KQ03	7.64	3.05	129	Kinh tế quốc tế
74	030733170057	Lê Thị Thu	An	24/09/1999	Nữ	DH33LK01	7.14	2.85	129	Luật kinh tế
75	030733170100	Mai Thị Thu	Hà	06/08/1999	Nữ	DH33LK01	6.61	2.65	129	Luật kinh tế
76	030733170052	Ngô Đình	Nam	19/01/1999	Nam	DH33LK01	6.52	2.61	129	Luật kinh tế
77	030733170093	Hoàng Thị Thanh	Ngân	15/09/1999	Nữ	DH33LK01	7.74	3.09	129	Luật kinh tế
78	030733170053	Hà Anh	Thư	24/08/1999	Nữ	DH33LK02	6.73	2.69	129	Luật kinh tế
79	030433170179	Nguyễn Việt	Toàn	04/12/1999	Nam	DH33AV01	6.60	2.64	134	Ngôn ngữ Anh
80	030433170167	Tô Thị Thu	Hiền	23/12/1999	Nữ	DH33AV02	6.64	2.65	134	Ngôn ngữ Anh
81	030433170174	Châu Anh	Kiệt	21/09/1999	Nam	DH33AV02	6.83	2.73	134	Ngôn ngữ Anh
82	030433170025	Trần Thị Mỹ	Nguyên	02/04/1999	Nữ	DH33AV02	6.65	2.66	135	Ngôn ngữ Anh
83	030433170162	Lê Thị Phương	Thảo	11/05/1999	Nữ	DH33AV02	6.74	2.70	134	Ngôn ngữ Anh
84	030433170039	Trương Hoài	Dung	27/12/1999	Nữ	DH33AV03	7.58	3.03	134	Ngôn ngữ Anh
85	030633171314	Trần Thanh	Vương	29/12/1999	Nam	DH33MK01	6.73	2.69	129	Quản trị kinh doanh
86	030633171262	Nguyễn Thụy Khánh	Hạ	07/06/1999	Nữ	DH33MK02	7.37	2.95	129	Quản trị kinh doanh
87	030633171392	Đỗ Thị Minh	Hiếu	26/09/1999	Nữ	DH33MK02	6.91	2.76	129	Quản trị kinh doanh
88	030633171636	Trương Ý	Nhi	23/11/1999	Nữ	DH33MK02	7.63	3.05	129	Quản trị kinh doanh
89	030633171455	Phạm Thị Như	Quỳnh	04/02/1999	Nữ	DH33MK02	7.17	2.87	129	Quản trị kinh doanh
90	030633171316	Phan Ngọc Lan	Anh	27/10/1999	Nữ	DH33QT01	8.11	3.24	129	Quản trị kinh doanh
91	030633170099	Võ Thanh	Giang	23/09/1999	Nữ	DH33QT01	6.80	2.72	129	Quản trị kinh doanh
92	030633170591	Lê Đàm Gia	Hưng	14/03/1999	Nam	DH33QT01	6.80	2.72	129	Quản trị kinh doanh
93	030633171289	Trương Tấn	Phát	20/07/1999	Nam	DH33QT01	6.86	2.74	129	Quản trị kinh doanh
94	030633171114	Võ Văn	Đồ	11/05/1999	Nam	DH33QT02	7.34	2.94	129	Quản trị kinh doanh

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn			Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
95	030633171065	Nguyễn Thị Phương	Thảo	09/12/1999	Nữ	DH33QT02	6.91	2.76	129	Quản trị kinh doanh	
96	030633171260	Bùi Thị Bích	Vy	27/03/1999	Nữ	DH33QT02	7.11	2.84	129	Quản trị kinh doanh	
97	030633171422	Vương Đình Hoàng	Huy	09/09/1999	Nam	DH33QT03	7.06	2.82	129	Quản trị kinh doanh	
98	030633171630	Lê Vũ Mỹ	Tiên	10/10/1999	Nữ	DH33QT03	7.17	2.87	129	Quản trị kinh doanh	
99	030633170635	Đoàn Minh	Duy	08/12/1999	Nam	DH33NH01	6.22	2.49	129	Tài chính - Ngân hàng	
100	030633170661	Đặng Ngọc Khánh	Hà	07/01/1999	Nữ	DH33NH01	6.22	2.49	129	Tài chính - Ngân hàng	
101	030633170305	Đỗ Hữu	Khánh	05/08/1999	Nam	DH33NH01	6.66	2.66	129	Tài chính - Ngân hàng	
102	030633171181	Lê Thị	Lưu	17/03/1999	Nữ	DH33NH01	6.73	2.69	129	Tài chính - Ngân hàng	
103	030633171668	Nguyễn Hoàng Yến	Quỳnh	13/08/1999	Nữ	DH33NH01	7.09	2.83	129	Tài chính - Ngân hàng	
104	030633170089	Phạm Thị Cẩm	Tú	21/04/1999	Nữ	DH33NH01	6.63	2.65	129	Tài chính - Ngân hàng	
105	030633170487	Lâm Trần Xuân	An	04/04/1999	Nữ	DH33NH02	7.33	2.93	129	Tài chính - Ngân hàng	
106	030633170510	Đoàn Minh	Anh	11/02/1999	Nam	DH33NH02	7.23	2.89	129	Tài chính - Ngân hàng	
107	030633171621	Nguyễn Hoàng Diệu	Khanh	24/02/1999	Nữ	DH33NH02	7.19	2.88	129	Tài chính - Ngân hàng	
108	030633170250	Lê Khánh	Như	20/11/1999	Nữ	DH33NH02	6.51	2.60	129	Tài chính - Ngân hàng	
109	030633170426	Nguyễn Bảo	Phương	17/11/1999	Nữ	DH33NH02	6.53	2.61	129	Tài chính - Ngân hàng	
110	030633170476	Phạm Nhật	Tân	31/01/1999	Nam	DH33NH02	6.71	2.68	129	Tài chính - Ngân hàng	
111	030633170553	Nguyễn Thị Thùy	Linh	08/04/1999	Nữ	DH33NH03	7.49	2.99	129	Tài chính - Ngân hàng	
112	030633170701	Lương Thị Hồng	Thắm	05/01/1999	Nữ	DH33NH03	6.42	2.57	129	Tài chính - Ngân hàng	
113	030633171479	Trần Tiến	Mạnh	12/09/1999	Nam	DH33NH04	6.77	2.71	129	Tài chính - Ngân hàng	
114	030633171623	Nguyễn Thùy	Linh	03/10/1999	Nữ	DH33NH05	6.96	2.78	129	Tài chính - Ngân hàng	
115	030633170338	Võ Huỳnh Duy	Nhân	04/08/1999	Nam	DH33TC01	8.24	3.30	129	Tài chính - Ngân hàng	
116	030633170287	Phạm Thị Mỹ	Linh	25/07/1999	Nữ	DH33TC03	7.45	2.98	129	Tài chính - Ngân hàng	
117	030633171037	Nguyễn Đức	Tuấn	11/08/1999	Nam	DH33TC04	7.24	2.90	129	Tài chính - Ngân hàng	
118	030633170858	Lê Mai Mỹ	Huyền	08/09/1999	Nữ	DH33TC05	7.68	3.07	129	Tài chính - Ngân hàng	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn			Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
119	030633170954	Nguyễn Quốc Bình	08/04/1999	Nam	DH33TC06	7.17	2.87	129	Tài chính - Ngân hàng	
120	030633170822	Nguyễn Trà My	14/06/1999	Nữ	DH33TC06	7.28	2.91	129	Tài chính - Ngân hàng	
121	030633170939	Phạm Huỳnh Phú Quý	23/08/1999	Nam	DH33TC06	7.35	2.94	129	Tài chính - Ngân hàng	
122	030633171631	Phan Đoàn Phương Trang	08/07/1999	Nữ	DH33TC06	8.31	3.32	129	Tài chính - Ngân hàng	
123	030633171362	Trần Trương Phương Uyên	25/12/1999	Nữ	DH33TC06	7.40	2.96	129	Tài chính - Ngân hàng	
124	030633170676	Hoàng Thị Mỹ Hạnh	24/01/1999	Nữ	DH33TC07	7.43	2.97	129	Tài chính - Ngân hàng	
125	030633171474	Hoàng Xuân Hậu	20/05/1999	Nam	DH33TC07	7.95	3.18	129	Tài chính - Ngân hàng	
126	030633171482	Bùi Nguyễn Thành Nam	12/01/1999	Nam	DH33TC07	7.04	2.81	129	Tài chính - Ngân hàng	
127	030633171179	Trần Thu Trang	26/03/1999	Nữ	DH33TC07	7.14	2.86	129	Tài chính - Ngân hàng	
128	030534180033	Trần Hữu Đạt	31/07/2000	Nam	DH34KT01	7.22	2.89	129	Kế toán	
129	030534180174	Nguyễn Ngọc Tú	23/06/2000	Nam	DH34KT04	7.05	2.82	129	Kế toán	
130	030834180004	Phạm Đình An	25/08/2000	Nam	DH34KQ01	7.69	3.08	129	Kinh tế quốc tế	
131	030834180271	Ngô Kiều Vân	01/01/2000	Nữ	DH34KQ05	8.09	3.24	129	Kinh tế quốc tế	
132	030334180069	Bùi Thúy Hằng	07/02/2000	Nữ	DH34QT01	7.97	3.19	129	Quản trị kinh doanh	
133	030334180168	Hoàng Đỗ Kim Ngọc	29/03/2000	Nữ	DH34QT02	8.47	3.39	129	Quản trị kinh doanh	
134	030134180004	Ngô Ngọc Tường An	25/12/2000	Nữ	DH34TC01	7.30	2.92	129	Tài chính - Ngân hàng	
135	030134180016	Nguyễn Ngọc Anh	03/04/1999	Nữ	DH34TC01	7.13	2.85	129	Tài chính - Ngân hàng	
136	030134180535	Bùi Thị Thơm	11/03/2000	Nữ	DH34TC04	8.01	3.21	129	Tài chính - Ngân hàng	
137	060117170070	Nguyễn Thị Hòa	08/01/1995	Nữ	LT17DH02	6.22	2.49	129	Tài chính - Ngân hàng	

Tổng 137 sinh viên ./..



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NGÀNH THỨ 2
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 12 NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2718 /QĐ-ĐHNH, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
1	030732160069	NGUYỄN TÀI THANH LOAN	25/08/1998	Nữ	DH32LK01	7.55	3.02	129	Kế toán	Khá	
2	030233170044	Nguyễn Thu Uyên	20/09/1999	Nữ	DH33DN01	6.81	2.72	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	

Tổng 02 sinh viên ./..



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY VĂN BẰNG 2
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 12 NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2398 /QĐ-ĐHNH, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại	Ghi chú
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
1	070409190014	Huỳnh Như Duyên	31/12/1983	Nam	AV_B2K1_CQ_Đ1	6.96	2.78	73	Ngôn ngữ Anh	Khá	
2	070409190019	Nguyễn Thị Hồng Hà	20/11/1991	Nữ	AV_B2K1_CQ_Đ1	9.02	3.61	73	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc	
3	070409190028	Trịnh Thị Liên	08/12/1990	Nữ	AV_B2K1_CQ_Đ1	8.72	3.49	73	Ngôn ngữ Anh	Giỏi	
4	070409190094	Nguyễn Hồ Quý Phương	17/04/1982	Nữ	AV_B2K1_CQ_Đ1	8.85	3.54	73	Ngôn ngữ Anh	Giỏi	
5	070409190067	Võ Lê Linh Đan	17/10/1984	Nữ	AV_B2K1_CQ_Đ2	9.19	3.67	73	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc	

Tổng 05 sinh viên ./..

nh